TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 388 /2024/DS-PT

Ngày: 19 - 7 - 2024

V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tặng.

Các Thẩm phán: Bà Kiều Kim Xuân

Ông Sỹ Danh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Đỗ Trung Đến - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 19/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 281/2023/TLPT-DS ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc *"Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 146/2023/DS-ST ngày 11/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 461/2023/QĐ-PT ngày 12 tháng 11 năm 2023; Thông báo mở lại phiên tòa số 394/TB-TA, ngày 02 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1947;

1.2 Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1952;

Cùng địa chỉ: Số F, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T, bà D: Luật sư Bùi Quốc N- Chi nhánh Công ty L thuộc Đoàn Luật sư Thành phố C.

2. Bị đơn:

2.1 Ông Lê Hoàng D1, sinh năm 1977;

2.2 Bà Trần Thị Phước D2, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Số E, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của chị D2, anh D1: Ông Lê Ngọc T1, sinh năm 1960. Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 18/12/2023.

Địa chỉ: Số B, Tô Hiến T2, tổ F, khóm D, phường B, thành phố C.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1 Chị Nguyễn Thị Thúy N1, sinh năm 1989;

3.2 Chị Nguyễn Thị Thảo N2, sinh năm 1994.

Người đại diện hợp pháp của chị Thảo N3, chị Thúy N4: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1947 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1952. Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 13/12/2023.

Cùng địa chỉ: Số F, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Anh Lê Hoàng D1 và chị Trần Thị Phước D2 là bị đơn.

Ông T, bà D, ông T1, Luật sư có mặt tại phiên tòa. Riêng Luật sư N vắng mặt tại phiên tòa hôm nay.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị D trình bày:*

Anh Lê Hoàng D1 và chị Trần Thị Phước D2 kinh doanh vật liệu xây dựng, nên bơm cát vào hồ chứa để bán lại. Do thường xuyên bơm cát vào vựa sát vách nhà của ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị D, mỗi lần xả nước làm tràn trực tiếp ồ ạc vào sàn nhà với lượng nước rất lớn gây xói mòn lở lún nền, xói lở các góc nóng nhà. Sau đó, anh D1 và chị D2 có làm đường thoát nước nhưng trét sơ sài, không tô xi măng kỹ, mỗi lần bơm cát nước vẫn rịn và xì qua nền nhà hậu quả làm cho nền nhà lún nặng. Tháng 10/2021, ông T bà D có nói anh D1 đến xem và anh D1 nhận sai và ngừng bơm cát vào vựa cho đến nay.

Sau đó, tháng 01/2022 chị D2 đã mua 06 cột bê tông để thay cho một số cột bị hư hỏng thuộc hàng nóng đá ngoài của nhà ông T bà D giáp với đường thoát nước của anh D1, chị D2. Phần lún nền nhà cũng như lún tán, cong xiên, bị nứt tét 07 cây cột nhà và cong 01 cột cái thì anh D1, chị D2 chưa khắc phục.

Ông T và bà D yêu cầu anh Lê Hoàng D1 và chị Trần Thị Phước D2 có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền là 67.443.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn đồng), do anh D1 và chị D3 đã có hành vi bơm cát gây thiệt hại đến tài sản của ông T và bà D.

- *Bị đơn anh Lê Hoàng D1 và chị Trần Thị Phước D2 trình bày:*

Anh D1 và chị D2 không thống nhất với yêu cầu ông T và bà D. Anh D1 và chị D2 không có gây thiệt hại cho ông T, bà D. Ông T, bà D cũng không chứng minh được nguyên nhân gây sụp lún là do anh D1, chị D2 bơm cát gây ra. Chị D2 thừa nhận giọng nói trong các tập tin ghi âm là của chị D2, nhưng chị D2 không thừa nhận nguyên nhân gây sụp lún nhà ông T, bà D là do chị D2, anh D1 gây ra. Kết luận giám định cũng không thể hiện nguyên nhân gây thiệt hại nhà cho ông T, bà D.

Tại Bản án sơ thẩm số 146/2023/DS-ST ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị D về việc "Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm" với anh Lê Hoàng D1 và chị Trần Thị Phước D2.

Buộc anh Lê Hoàng D1 và chị Trần Thị Phước D2 liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị D số tiền 67.443.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/7/2023, anh anh Lê Hoàng D1 và chị Trần Thị Phước D2 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Anh D1 và chị D2 không đồng ý bồi thường thiệt hại cho ông T bà D số tiền 67.443.000 đồng và không đồng ý chịu chi phí tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T và bà D trình bày nội dung vụ án và đề nghị không chấp nhận kháng cáo của chị D2, anh D1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự tham gia phiên tòa chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là chấp nhận một phần kháng cáo của anh Lê Hoàng D1 và chị Trần Thị Phước D2, sửa bản án sơ thẩm. Buộc chị D3 và anh D1 bồi thường 50 % thiệt hại, số tiền 33.722.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết và xét xử vụ án đúng theo quy định Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh D1 và chị D2 kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định. Căn cứ vào Điều 273, 293 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Phần đất và căn nhà của ông T và bà D tiếp giáp với phần đất và căn nhà của anh D1 và chị D2.

[3] Theo ông T và bà D do anh D1 và chị D2 có kinh doanh vật liệu xây dựng, nên anh D1 vào chị D2 bơm cát vào hồ chứa dự trữ để bán. Từ năm 2005-2015, mỗi lần bơm cát nước tràn vào sàn nhà của ông T và bà D, đến năm 2015 thì anh D1 và chị D2 có xây dựng bờ tường và làm hệ thống thoát nước nhưng nước vẫn chảy qua phần sàn nhà của ông T, bà D làm cho các trụ móng sàn nhà bị sụt lún, các đầu cột bị nứt, cong…, nên yêu cầu anh D1 và chị D2 bồi thường thiệt hại số tiền 67.443.000 đồng.

[4] Anh D1 và chị D2 thừa nhận khi bơm cát nước có rò rỉ qua phần đất (sàn nhà) của ông T và bà D, nhưng nhà của ông T và bà D xây dựng từ năm 1970 ở cho đến nay. Ông T và bà D không chứng minh được nguyên nhân nhà bị sụt lún, cột bị nứt, cong,… nên không đồng ý bồi thường.

[5] Xét thấy, theo Công văn số 62/TTGĐ-PKT ngày 17/4/2023 của Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng thuộc Sở Xây dựng tỉnh Đ. Trung tâm không có số liệu, dữ liệu, thông tin về thời gian, số lần bơm cát, xả nước…làm thay đổi kết cấu, cơ lý nền đất. Do đó, Trung tâm không thể thực hiện việc giám định xác định nguyên nhân sụt lún nền của ông T và bà D.

[6] Ngày 02/4/2024, Tòa án Tỉnh có Công văn số 488/TA-DS, đề nghị Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng thuộc Sở Xây dựng tỉnh Đ xác định một số nội dung đối với báo cáo kết quả giám định ngày 23/12/2022. Đến ngày 15/4/2024, Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng thuộc Sở Xây dựng tỉnh Đ có Công văn số 93/TTGĐ-PKT xác định: Nội dung yêu cầu này không thuộc nội dung Trưng cầu thực hiện giám định theo Quyết định trưng cầu giám định số 05/2022/QĐ-TCGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình và không thuộc phạm vi giám định tại báo cáo Kết quả

giám định số 231222-1/BCGĐ-TTGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022 do Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng. Trung tâm không có cơ sở xác định theo nội dung yêu cầu này.

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm, chị D2 yêu cầu trưng cầu giám định xác định nguyên nhân nhà của ông T, bà D bị sụt lún, các đầu cột bị nứt, cong, Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để trưng cầu giám định.

[8] Ngày 14/5/2024, Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng có Công văn số 117/TTGĐ-PKT xác định: Trung tâm không thể thực hiện yêu cầu trưng cầu giám định, theo Quyết định trưng cầu giám định số 08/2024/QĐ-TCGĐ ngày 26/4/2024 của Tòa án Tỉnh.

[9] Mặc dù, Trung tâm giám định chất lượng xây dựng không thực hiện được việc giám định. Tuy nhiên, tại phiên bản phiên tòa ngày 28/02/2023, chị D2 thừa nhận khi bơm cát vào hồ chứa cát thì nước có tràn qua sàn nhà của ông T, bà D và sau khi xây dựng bờ tường và làm hệ thống thoát nước thì khi bơm cát nước cũng rò rỉ qua sàn nhà của ông T và D.

[10] Tại biên bản hòa giải của Ủy ban nhân dân xã T ngày 08/4/2022 chị D2 trình bày: Tôi đã hỗ trợ cho ông T 06 trụ nóng đá và công thợ để sửa chữa một phần diện tích nhà để khắc phục các nóng nhà bị hư hại và hoàn thành sửa chữa vào cuối năm 2021.

[11] Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 19/8/2022, anh D1 và chị D2 trình bày: Chúng tôi thừa nhận nhà ông T, bà D có nứt, cong cột cây, nền nhà hoằng, lún như ghi biên bản khảo sát, nhưng nguyên nhân không phải do chúng tôi bơm cát làm nước tràn qua nền nhà ông T, vì hồ chứa cát của chúng tôi được xây gạch ống, có trát xi măng và làm hệ thống thoát nước.

[12] Như vậy, chứng tỏ khi anh D1, chị D2 bơm cát nước tràn qua sàn nhà của ông T, bà D, trong khoảng thời gian dài làm cho nền nhà bị sụt lún, chị D2 thấy được việc sụt lún, nên chị D2 có đem 06 trụ nóng đá để khắc phục tạm. Điều đó, chứng tỏ nguyên nhân nhà ông T, bà D sụt lún, cột bị hư là do anh D1 và chị D2 bơm cát nước tràn vào nên nhà gây thiệt hại, ông T và bà D yêu cầu bồi thường thiệt hại là có căn cứ.

[13] Đối với việc anh D1 và chị D2 cho rằng nhà ông T và bà D xây dựng từ năm 1970, Trung tâm giám định chất lượng xây dựng tính chi phí tiền bồi thường thiệt hại, nhưng tính giá trị là thay mới hoàn toàn là không phù hợp. Xét thấy, theo báo cáo kết quả giám định xác định giá trị tài sản bị thiệt hại và tính chi phí khắc phục căn nhà của ông T và bà D ngày 23/12/2022 thì tổng chi

phí sửa chữa khắc phục là 67.443.000 đồng trong đó có thay mới toàn bộ gỗ thao lao, sơn PU...Tòa án cấp sơ thẩm, buộc anh D1 và chị D2 bồi thường thiệt hại số tiền 67.443.000 đồng là chưa phù hợp. Theo biên bản định giá ngày 12/6/2024 của Hội đồng định giá xác định căn nhà của ông T và bà D giá trị sử dụng còn lại là 50%. Theo báo cáo kết quả giám định thì phần gỗ thao lao, sơn PU là 28.817.631 đồng. Vì thế, Hội đồng xét xử buộc anh D1 và chị D2 trả 50% tiền gỗ thao lao, sơn PU 14.408.815 đồng, còn các chi phí khác theo báo cáo kết quả giám định là phù hợp.

[14] Theo đó, anh D1 và chị D3 phải bồi thường thiệt hại cho ông T và bà D số tiền 53.034.185 đồng (tính tròn 53.034.000 đồng).

[15] Đối với việc anh D1 và chị D2 không đồng ý chịu phí phí tố tụng. Xét thấy, mặc dù báo cáo kết quả giám định Trung tâm giám định không xác định được nguyên nhân nhà ông T, bà D bị sụp lún, cong nứt…, nhưng Trung tâm đã khảo sát, đo đạc… xác định chi phí khắc phục sửa chữa. Đồng thời, như phần nhận định trên nguyên nhân nhà ông T, bà D sụt lún, cột bị hư là do anh D1 và chị D2 bơm cát nước tràn vào nên nhà gây thiệt hại, ông T và bà D, nên anh D1 và chị D2 phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng.

[16] Xét, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T và bà D, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh D1 và chị D2, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét thấy, cũng như phần nhận định trên, đề nghị của Luật sư có căn cứ một phần, nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của Luật sư.

[17] Xét, đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có một phần chưa phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của Viện kiểm sát.

[18] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của anh D1 và chị D2, sửa bản án sơ thẩm.

[19] Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo kháng nghị.

[20] Do chấp nhận một phần kháng cáo của anh D1 và chị D2, nên anh D1 và chị D2 không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, Điều 148; Khoản 2, Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Lê Hoàng D1 và chị Trần Thị Phước D2.

Sửa Bản án sơ thẩm số 146/2023/DS-ST ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Đ về việc "Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm" với anh Lê Hoàng D1 và chị Trần Thị Phước D2.

Buộc anh Lê Hoàng D1 và chị Trần Thị Phước D2 liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị D số tiền số tiền 53.034.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về án phí:

Anh D1 và chị D2 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.652.000 đồng và anh D1 và chị D2 không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm án án phí dân sự phúc thẩm anh D1 và chị D3 đã nộp là 300.000 đồng theo biên biên lai thu số 0002147 ngày 24/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, được trừ vào tiền án phí. Anh D1 và chị D2 còn phải nộp tiếp số tiền là 2.352.000 đồng tiền án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyên Thanh Bình.

6. Về chi phí tố tụng:

Chi phí tố tụng cấp sơ thẩm: Anh D1 và chị D2 phải chịu 17.439.000 đồng. Do ông T và bà D đã nộp tạm ứng và đã chi xong, nên anh D1 và chị D3 nộp 17.439.000 đồng hoàn trả cho ông T và bà D.

Chi phí tố tụng cấp phúc thẩm: Anh D1 và chị D2 phải chịu 1.600.000 đồng , chị D3 đã nộp tạm ứng và đã chi xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh ĐT;
- TAND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Tấn Tặng